

Bản án số: 706/2025/HS-PT
Ngày: 17-11-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoài Nam

Các Thẩm phán: 1/ Bà Lê Thị Thương Huyền
2/ Ông Phạm Viết Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hải Nam- Kiểm sát viên.

Ngày 17/11/2025, tại Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 495/2025/TLPT-HS, ngày 01/10/2025 đối với bị cáo Phạm Văn T do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2025/HSST, ngày 20/8/2025 của Tòa án nhân dân Toà án nhân dân khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1991 tại H; Thường trú: Khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh B (nay là khu phố H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh); Tạm trú: không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T1 và bà Hoàng Thị M; hoàn cảnh gia đình: Có vợ là Nguyễn Thị Minh Th và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 01/10/2024 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/3/2024, do không có việc làm nên Phạm Văn T nảy sinh ý định đặt mua Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khắc gắn liền với đất (viết tắt là GCNQSDĐ) và Căn cước công dân (viết tắt là CCCD) giả (do T đã làm mất) để mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. T vào mạng xã hội Google tìm dịch vụ làm giấy tờ giả thì trang web yêu cầu T cung cấp số điện thoại để nhắn tin Zalo, sau đó tài khoản Zalo tên “Trần Quốc T2” kết bạn với tài khoản zalo của T. T được báo giá làm 02 loại giấy tờ trên là 6.900.000 đồng (GCNQSDĐ giá 6.000.000 đồng, CCCD giá 900.000 đồng). T đồng ý và cung cấp thông tin để làm giả Giấy chứng nhận số 686/2/22 đường U, phường Z, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích thửa đất ngang 4m dài 10m do đối tượng T2. Đến ngày 08/4/2024, T liên lạc lại với đối tượng để đặt mua giấy tờ giả thì được yêu cầu chuyển trước số tiền 300.000 đồng vào tài khoản số xxxxxxxxx, chủ tài khoản tên Le Van T3 tại ngân hàng A. T sử dụng tài khoản ngân hàng A số xxxxxxxxx, chủ tài khoản tên Phạm Văn T chuyển số tiền 300.000 đồng theo yêu cầu. Số tiền còn lại 6.600.000 đồng hai bên thống nhất khi nào T nhận được giấy tờ giả sẽ T toán cho người giao hàng. Đối tượng hẹn T 04 ngày sau sẽ giao giấy tờ và dặn T GCNQSDĐ giả được bọc trong 01 cái áo thun ngắn tay màu trắng có chữ GUCCI phía trước ngực.

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 11/4/2024, khi T đang ở nhà thì anh Diệp Nguyễn Hoài B1 là nhân viên công ty Giao hàng tiết kiệm đến giao cho T một gói hàng, ghi bên ngoài là quần áo (Không thể hiện địa chỉ người gửi). T yêu cầu kiểm tra gói hàng nên anh B1 sử dụng dao rọc giấy mở gói hàng đưa T kiểm tra, T thấy GCNQSDĐ giả được bọc bằng 02 cái áo thun màu trắng đúng với lời dặn của đối tượng nên lợi dụng sơ hở lúc anh B1 không để ý gói hàng T lấy 01 cái áo thun màu trắng cuộn GCNQSDĐ cất giấu vào trong nhà rồi để lại 01 cái áo thun trong hộp và trả lại cho anh B1 gói hàng với lý do chưa có tiền ngày mai giao lại. Anh B1 nhận gói hàng và đưa về bưu cục nhập kho. Khi anh B1 đã rời đi, T lấy GCNQSDĐ giả kiểm tra thấy các mục trên GCNQSDĐ đúng với yêu cầu của T: Thửa đất số 307 tờ bản đồ số 25 diện tích 32 m², đất ở đô thị, đóng dấu mộc hình tròn, màu đỏ Ủy ban nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh trên chữ ký, bên dưới có đóng dấu tên Phạm Thị Ngọc D - Phó chủ tịch, giấy cấp ngày 16/6/2023. Riêng CCCD giả đã đặt mua thì T không thấy.

Do không biết bên trong là GCNQSDĐ và T đã chiếm đoạt nên ngày 12/4/2024 anh B1 tiếp tục đến giao gói hàng cho T nhưng T lấy lý do vẫn chưa có tiền và không nhận gói hàng từ anh B1. Đến ngày 13/4/2024, anh Nguyễn Thế H là nhân viên Công ty giao hàng tiết kiệm tiếp tục giao gói hàng cho T. T thấy người giao hàng khác nên tiếp tục đề nghị kiểm tra gói hàng và không nhận với lý do không đúng hàng. Sau đó, T nhắn tin cho zalo “Trần Quốc T2” để hỏi về căn cước công dân đã đặt mua thì tài khoản đã xóa, không gửi tin nhắn được.

Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 04/5/2024, T điều khiển xe mô tô kiểu dáng W, màu xanh biển số xxB1-xxx.xx mang theo GCNQSDĐ giả và 02 bản sao đến tiệm cầm đồ Z, địa chỉ phường Z, quận N gặp anh Đỗ Văn B để cầm cố với số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi xem GCNQSDĐ do Phạm Văn T đứng tên để đảm bảo việc cầm tài sản theo quy định, anh B đề nghị T đến văn phòng công

chứng lập hợp đồng ủy quyền. T đồng ý và cùng đến văn phòng công chứng K, địa chỉ phường L, quận N gặp bà Bùi Thu H là công chứng viên tiếp nhận giải quyết hồ sơ. Sau khi kiểm tra hệ thống quản lý tại Văn phòng công chứng, bà H thông báo cho T và anh B biết GCNQSDĐ không đúng vì trên hệ thống quản lý chủ sở hữu là người khác, diện tích đất không đúng và GCNQSDĐ đang được thế chấp ở ngân hàng. T nói dối mình mua đất với giá 800 triệu đồng và giả vờ gọi điện thoại cho chủ đất để trốn ra ngoài rồi lấy xe mô tô tẩu thoát và để lại giấy tờ tại Văn phòng công chứng. Bà H đã trình báo cho Công an phường L, sau đó vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Phạm Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Qua xác minh: Văn phòng đăng ký đất đai quận N xác định không tìm thấy thông tin thửa đất số 307 tờ bản đồ số 25, số phát hành GCN: CU 681759, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH30023 do UBND quận N cấp ngày 16/3/2024, địa chỉ đường U, phường Z, quận N do Phạm Văn T là người sử dụng. Hiện chi nhánh có lưu trữ thông tin nhà đất tại địa chỉ trên được UBND quận N cấp GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH 01637 ngày 02/6/2010 do ông Phan Văn Th và bà Trần Hồng Đ, đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Đỗ Bá T4 và bà Hoàng Thị Thu H1 ngày 18/7/2014. Ông T4 và bà H1 xác định nhà và đất ở địa chỉ trên diện tích 64,3 m² thuộc đồng sở hữu của ông T4 và bà H1. Hiện bản chính GCNQSDĐ đang được thế chấp tại Ngân hàng Sài Gòn T– Chi nhánh G.

Tại Công văn số 2293/CATTT-NCSC ngày 06/11/2024 của Cục An toàn thông tin Bộ Thông tin và truyền thông xác định không xác minh được thông tin, tài liệu liên quan đến thông tin hình ảnh, số điện thoại đăng ký, địa chỉ IP thường xuyên đăng nhập của tài khoản Zalo “Trần Quốc T2”.

Ngân hàng Z cung cấp thông tin chủ tài khoản số xxxxxxxxxx mang tên Lê Văn T3, sinh ngày 12/9/1984, địa chỉ huyện Z, tỉnh L). Qua xác minh Lê Văn T3 có hộ khẩu thường trú nhưng không có mặt tại địa phương, hiện không biết đang ở đâu, làm gì.

Công ty Giao hàng tiết kiệm cung cấp thông tin gói hàng gửi cho Phạm Văn T có mã số 1136792658, địa chỉ gửi đường số V, phường Thanh M, thành phố O, số tài khoản xxxxxxxxx tại Ngân hàng Thương mại C, mang tên Lê Đình K, địa chỉ phường TP, thành phố O. Ngân hàng C cung cấp số tài khoản số xxxxxxxxx mang tên Lưu Đình K (sinh ngày 04/5/2005, HKTT: xã M, Thành phố L, tỉnh L). Qua xác minh, Lưu Đình K có hộ khẩu thường trú nhưng không có mặt tại địa phương, hiện không biết đang ở đâu, làm gì. Công an phường Thanh M, thành phố O xác minh địa chỉ phường Thanh M, thành phố O và địa chỉ số 01 đường số 02, phường Thanh M, thành phố O không có ai tên Lưu Đình K. Công an phường TP, thành phố O xác minh tuyến đường 154, phường TP, thành phố O không có nhân khẩu tên Lưu Đình K cư trú.

Qua rà soát camera tại tiệm cầm đồ Z và tại văn phòng công chứng K có camera ghi nhận được hình ảnh của Phạm Văn T thực hiện hành vi phạm tội, đã trích xuất hình ảnh và cho T xác nhận.

Tại Bản kết luận giám định số 7959/KL-KTHS ngày 10/7/2024 của Phòng PC09-Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

+ Bản in tài liệu cần giám định “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT – QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số CU 681759, đứng tên Phạm Văn T để ngày 16/6/2023 (ký hiệu A) được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

+ Chữ ký đứng tên Phạm Thị Ngọc D trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Phạm Thị Ngọc D trên 08 (tám) tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 không phải do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D QUẬN N – TP. HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2025/HSST ngày 20/8/2025 của Tòa án nhân dân Toà án nhân dân khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341 và điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 03 (ba) năm tù về tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và 03 (ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội là 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/10/2024.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/9/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực A kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2025/HSST ngày 20/8/2025 của Toà án nhân dân khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo Phạm Văn T tội danh khác với hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử, vi phạm quy định tại Điều 298 Bộ luật hình sự. Cụ thể Viện kiểm sát truy tố hành vi "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", Hội đồng lại tuyên phạt về tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Và cho rằng mức hình phạt tù đối với trường hợp phạm tội chưa đạt của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là quá nghiêm khắc, không đúng với tinh thần tại khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự "mức phạt tù không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định". Do đó, đề nghị: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa lại tội danh và giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung, phân tích tính chất vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực A.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét bị cáo Phạm Văn T đã có hành vi đặt làm giả GCNQSD đất và sử dụng GCNQSDĐ giả đó để thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của anh Đỗ Văn B với số tiền 50.000.000 đồng. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử bị cáo T về 02 tội theo điểm d khoản 2 Điều 341 và điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố là có căn cứ.

[2] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực A, Hội đồng xét xử xét thấy:

Thứ nhất, về tội danh: Theo hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo T sử dụng tài liệu giả là GCNQSDĐ trong đó có hình dấu mộc tròn của UBND quận N, Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Hồ sơ không thể hiện có thu giữ con dấu nào, do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực A đã truy tố bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là đúng quy định và phù hợp với Bản kết luận giám định số 7959/KL-KTHS ngày 10/7/2024 của Phòng PC09-Công an Thành phố Hồ Chí Minh: “...Hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D QUẬN N – TP. HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A được làm giả bằng phương pháp in phun màu...”. Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo đúng theo hành vi đã thực hiện và áp dụng điều khoản, tội danh theo cáo trạng truy tố và xử phạt bị cáo mức hình phạt theo quy định. Tuy nhiên, việc trích dẫn nguyên văn điều luật là chưa chính xác do đây là tội danh ghép nên Tòa án cấp sơ thẩm có sự nhầm lẫn, cần rút kinh nghiệm và cần được điều chỉnh lại.

Thứ hai, đối với nội dung kháng nghị về việc tình tiết phạm tội chưa đạt. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự quy định: “Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì áp dụng hình phạt tù không quá 20 năm; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt

tù mà điều luật quy định”. Như vậy, theo tinh thần điều luật nếu phạm tội chưa đạt thì mức hình phạt áp dụng không quá 3/4 mức cao nhất của khung hình phạt chứ không phải mức thấp nhất của khung. Mọi trường hợp xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định riêng tại Điều 54 Bộ luật hình sự và phải tuân thủ các điều kiện được quy định trong điều luật khi áp dụng chứ không phải mọi trường hợp phạm tội chưa đạt đều được áp dụng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực A. Đồng thời, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đã phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực A, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[3] Các vấn đề khác: Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025):

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[2] Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341 và điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 03 (ba) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và 03 (ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/10/2024.

[3] Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- CQ THAHS CA.TPHCM (1)
- CQCSĐT –CA.TP.HCM; (1)
- VKSND KVA; (1)
- TAND KVA; (1)
- Thi hành án dân sự TP.HCM (1)
- Thi hành án dân sự KVA; (1)
- Trại tạm giam Chí Hòa; (1)
- Bị cáo; (1)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi các bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (18) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hoài Nam